Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội
Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành
Năm học 2013 - 2014

Kỳ thi hết học kì I - K10D

Phòng thi P50

TT	Họ và tên thí sinh	SBD	Lớp	Ngày sinh	Ghi chú
1	Bạch Ngọc Anh	101001	10D2	29/04/1998	
2	Cao Phương Anh	101002	10D2	17/01/1998	
3	Hoàng Vân Anh	101003	10D4	24/10/1998	
4	Lê Minh Anh	101004	10D2	16/07/1998	
5	Lê Ngọc Anh	101005	10D1	25/08/1998	
6	Lê Thị Hải Anh	101006	10D1	07/04/1998	
7	Nguyễn Kiều Anh	101007	10D3	04/12/1998	
8	Nguyễn Lê Việt Anh	101008	10D2	16/10/1998	
9	Nguyễn Minh Anh	101009	10D3	30/01/1998	
10	Nguyễn Minh Anh	101010	10D3	04/12/1998	
11	Nguyễn Ngọc Anh	101011	10D4	06/11/1998	
12	Nguyễn Ngọc Anh	101012	10D4	01/01/1998	
13	Nguyễn Phan Anh	101013	10D4	26/11/1998	
14	Trần Việt Anh	101014	10D1	16/09/1998	
15	Trần Vũ Anh	101015	10D2	12/04/1998	
16	Vương Ngọc Anh	101016	10D4	25/12/1998	
17	Nguyễn Ngọc Ánh	101017	10D2	05/04/1998	
18	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	101018	10D2	04/09/1998	
19	Phan Minh Châu	101019	10D3	05/11/1998	
20	Phạm Thị Bảo Châu	101020	10D2	21/03/1998	
21	Nguyễn Phương Chi	101021	10D2	27/03/1998	
22	Nguyễn Xuân Công	101022	10D1	26/06/1998	
23	Nguyễn Quốc Cường	101023	10D2	16/04/1998	
24					
25					
26					
27					
28					
29					
30					
31					
32					
33					
34					
35					

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội
Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành
Năm học 2013 - 2014

Kỳ thi hết học kì I - K10D

Phòng thi P51

TT	Họ và tên thí sinh	SBD	Lớp	Ngày sinh	Ghi chú
1	Đỗ Lê Duy	101024	10D4	22/08/1998	
2	Chu Việt Dũng	101025	10D2	28/06/1998	
3	Hoàng Thị Thùy Dương	101026	10D3	07/07/1998	
4	Nguyễn Thùy Dương	101027	10D3	09/06/1998	
5	Nguyễn Danh Đông	101028	10D4	13/09/1998	
6	Đỗ Trần Hữu Đức	101029	10D2	21/08/1998	
7	Trần Trọng Đức	101030	10D4	27/11/1998	
8	Nguyễn Thị Én	101031	10D3	13/01/1998	
9	Cù Thu Hà	101032	10D4	29/10/1998	
10	Trần Thị Hà	101033	10D2	04/09/1998	
11	Vũ Thị Hoàng Hà	101034	10D1	01/10/1998	
12	Nguyễn Hồng Hạnh	101035	10D3	03/02/1998	
13	Trần Minh Hằng	101036	10D4	02/12/1998	
14	Triệu Thị Thanh Hằng	101037	10D3	09/05/1998	
15	Nguyễn Thị Ngọc Hân	101038	10D1	27/06/1998	
16	Hoàng Bá Hiệp	101039	10D1	11/03/1998	
17	Nguyễn Hoàng Hiệp	101040	10D4	15/11/1998	
18	Lê Minh Hoa	101041	10D2	24/02/1998	
19	Nguyễn Đức Huy	101042	10D2	12/05/1998	
20	Phạm Giang Huy	101043	10D4	19/06/1998	
21	Hoàng Thanh Huyền	101044	10D1	24/02/1998	
22	Hoàng Thị Ngọc Huyền	101045	10D4	20/09/1998	
23	Quản Thị Phương Huyền	101046	10D3	27/11/1998	
24					
25					
26					
27					
28					
29					
30					
31					
32					
33					
34					
35					

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội
Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành
Năm học 2013 - 2014

Kỳ thi hết học kì I - K10D

Phòng thi P52

TT	Họ và tên thí sinh	SBD	Lớp	Ngày sinh	Ghi chú
1	Nguyễn Phương Hùng	101047	10D4	08/02/1998	
2	Trần Thiên Hương	101048	10D2	31/03/1998	
3	Nghiêm Bảo Khánh	101049	10D3	21/05/1998	
4	Tạ Hữu Khánh	101050	10D1	10/06/1998	
5	Nguyễn Trung Kiên	101051	10D4	27/09/1998	
6	Cao Hoàng Yến Linh	101052	10D2	30/09/1998	
7	Đoàn Thị Yến Linh	101053	10D2	19/10/1998	
8	Đỗ Nguyễn Yến Linh	101054	10D2	22/11/1998	
9	Đỗ Thị Thùy Linh	101055	10D1	06/08/1998	
10	Hà Diệu Linh	101056	10D2	27/12/1998	
11	Lê Phương Linh	101057	10D2	03/08/1998	
12	Lê Thảo Linh	101058	10D1	31/10/1998	
13	Lê Thị Thùy Linh	101059	10D1	18/04/1998	
14	Nguyễn Ngọc Linh	101060	10D3	06/12/1998	
15	Nguyễn Nhật Linh	101061	10D1	03/01/1998	
16	Nguyễn Phương Linh	101062	10D4	08/04/1998	
17	Nguyễn Phương Linh	101063	10D4	19/06/1998	
18	Nguyễn Thảo Linh	101064	10D3	25/07/1998	
19	Nguyễn Thảo Linh	101065	10D1	26/04/1998	
20	Nguyễn Thị Thùy Linh	101066	10D1	26/09/1998	
21	Nguyễn Thùy Linh	101067	10D1	20/04/1998	
22	Nguyễn Thùy Linh	101068	10D1	13/07/1998	
23	Nguyễn Thùy Linh	101069	10D4	20/11/1998	
24					
25					
26					
27					
28					
29					
30					
31					
32					
33					
34					
35					

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội
Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành
Năm học 2013 - 2014

Kỳ thi hết học kì I - K10D

Phòng thi P53

TT	Họ và tên thí sinh	SBD	Lớp	Ngày sinh	Ghi chú
1	Nguyễn Thùy Linh	101070	10D2	13/02/1998	
2	Nguyễn Thùy Linh	101071	10D4	21/10/1998	
3	Phan Cẩm Linh	101072	10D4	29/06/1998	
4	Trần Duy Linh	101073	10D2	30/10/1998	
5	Trần Khánh Linh	101074	10D4	01/09/1998	
6	Trần Thị Thùy Linh	101075	10D3	10/05/1998	
7	Vương Thị Phương Linh	101076	10D2	23/01/1998	
8	Vương Thị Thùy Linh	101077	10D2	10/01/1998	
9	Vũ Xuân Luật	101078	10D3	09/01/1998	
10	Nguyễn Lý Thanh Lương	101079	10D3	03/08/1998	
11	Đinh Nguyễn Cẩm Ly	101080	10D3	08/07/1998	
12	Đỗ Thị Hương Ly	101081	10D1	28/04/1998	
13	Hoàng Mai Ly	101082	10D3	19/10/1998	
14	Lê Mai Ly	101083	10D3	26/05/1998	
15	Lê Ngọc Ly	101084	10D1	04/09/1998	
16	Cù Hoàng Phương Mai	101085	10D2	26/11/1998	
17	Lê Ngọc Mai	101086	10D3	07/09/1998	
18	Nguyễn Quỳnh Mai	101087	10D4	08/11/1998	
19	Trần Thị Quỳnh Mai	101088	10D1	26/04/1998	
20	Nguyễn Nhật Minh	101089	10D2	11/08/1998	
21	Phạm Quang Minh	101090	10D4	27/10/1998	
22	Tô Vũ Nhật Minh	101091	10D1	31/01/1998	
23	Đặng Huyền My	101092	10D1	17/11/1998	
24					
25					
26					
27					
28					
29					
30					
31					
32					
33					
34					
35					

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội
Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành
Năm học 2013 - 2014

Kỳ thi hết học kì I - K10D

Phòng thi P54

TT	Họ và tên thí sinh	SBD	Lớp	Ngày sinh	Ghi chú
1	Hoàng Vũ Hà My	101093	10D4	14/10/1998	
2	Hứa Trà My	101094	10D4	17/12/1998	
3	Đỗ Hoài Nam	101095	10D3	02/02/1998	
4	Nguyễn Đình Nam	101096	10D4	26/10/1998	
5	Bùi Hằng Nga	101097	10D2	04/11/1998	
6	Vương Thùy Ngân	101098	10D1	08/11/1998	
7	Nguyễn Trung Nghĩa	101099	10D3	01/04/1998	
8	Nguyễn Thị Thu Ngọc	101100	10D1	09/11/1998	
9	Trần Thị Thảo Nguyên	101101	10D1	09/07/1998	
10	Phạm Vũ Yến Nhi	101102	10D1	21/10/1998	
11	Cù Hoàng Mai Phương	101103	10D2	26/11/1998	
12	Nguyễn Hà Phương	101104	10D2	28/12/1998	
13	Nguyễn Thị Hà Phương	101105	10D3	17/10/1998	
14	Nguyễn Trần Thu Phương	101106	10D4	30/04/1998	
15	Phạm Anh Phương	101107	10D1	13/10/1998	
16	Phạm Minh Phương	101108	10D2	13/10/1998	
17	Phạm Như Phương	101109	10D3	28/06/1998	
18	Trần Lan Phương	101110	10D2	22/05/1998	
19	Võ Hoài Phương	101111	10D4	20/11/1998	
20	Trần Tuấn Quang	101112	10D4	05/09/1998	
21	Bùi Anh Quân	101113	10D2	06/06/1998	
22	Phan Ngọc Bảo Sơn	101114	10D3	25/05/1998	
23	Trần Nam Sơn	101115	10D3	01/08/1998	
24					
25					
26					
27					
28					
29					
30					
31					
32					
33					
34					
35					

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội
Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành
Năm học 2013 - 2014

Kỳ thi hết học kì I - K10D

Phòng thi P55

TT	Họ và tên thí sinh	SBD	Lớp	Ngày sinh	Ghi chú
1	Đặng Minh Tâm	101116	10D1	12/10/1998	
2	Nguyễn Ngọc Minh Tâm	101117	10D3	16/05/1998	
3	Bùi Vũ Hải Thanh	101118	10D4	04/10/1998	
4	Lương Phương Thanh	101119	10D3	11/11/1998	
5	Nguyễn Huyền Thanh	101120	10D2	24/11/1998	
6	Chu Vũ Thành	101121	10D4	13/12/1998	
7	Vũ Công Thành	101122	10D2	18/01/1998	
8	Bùi Phương Thảo	101123	10D1	06/11/1998	
9	Hồ Thanh Thảo	101124	10D3	24/12/1998	
10	Nguyễn Phương Thảo	101125	10D1	11/08/1998	
11	Nguyễn Phương Thảo	101126	10D3	17/07/1998	
12	Phạm Viết Phương Thảo	101127	10D1	26/09/1998	
13	Thái Hương Thảo	101128	10D3	09/06/1998	
14	Trần Phương Thảo	101129	10D3	17/04/1998	
15	Ngô Đức Thắng	101130	10D4	24/08/1998	
16	Vũ Đức Thắng	101131	10D3	22/07/1998	
17	Võ Trọng Thi	101132	10D3	30/05/1998	
18	Nguyễn Thị Minh Thu	101133	10D2	08/11/1998	
19	Vũ Hoài Thu	101134	10D4	11/12/1998	
20	Đỗ Thị Thu Thủy	101135	10D4	07/12/1998	
21	Nguyễn Diệu Thúy	101136	10D1	27/11/1998	
22	Nguyễn Minh Thúy	101137	10D2	09/01/1998	
23	Đỗ Minh Thư	101138	10D2	19/11/1998	
24					
25					
26					
27					
28					
29					
30					
31					
32					
33					
34					
35					

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội
Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành
Năm học 2013 - 2014

Kỳ thi hết học kì I - K10D

Phòng thi P56

TT	Họ và tên thí sinh	SBD	Lớp	Ngày sinh	Ghi chú
1	Chu Minh Trang	101139	10D1	08/08/1998	
2	Hoàng Đào Thanh Trang	101140	10D1	27/06/1998	
3	Lưu Huyền Trang	101141	10D3	13/11/1998	
4	Nguyễn Hoài Trang	101142	10D2	13/05/1998	
5	Nguyễn Hồng Thùy Trang	101143	10D1	07/05/1998	
6	Nguyễn Phan Thu Trang	101144	10D4	30/08/1998	
7	Nguyễn Thị Thu Trang	101145	10D1	09/03/1998	
8	Nguyễn Thu Trang	101146	10D4	11/09/1998	
9	Phạm Lê Linh Trang	101147	10D3	28/10/1998	
10	Phùng Ngọc Trang	101148	10D3	16/09/1998	
11	Nguyễn Tuyết Trinh	101149	10D3	09/01/1998	
12	Vũ Quỳnh Trúc	101150	10D3	28/07/1998	
13	Lê Thị Ánh Tuyết	101151	10D3	09/10/1998	
14	Phạm Hoa Tuyết	101152	10D1	12/11/1998	
15	Đỗ Thu Uyên	101153	10D1	10/09/1998	
16	Nguyễn Hồng Vân	101154	10D4	29/10/1998	
17	Nguyễn Hồng Vân	101155	10D2	14/06/1998	
18	Nguyễn Huy Vinh	101156	10D2	25/10/1998	
19	Vũ Thu Yến	101157	10D1	08/02/1998	
20					
21					
22					
23					
24					
25					
26					
27					
28					
29					
30					
31					
32					
33					
34					
35					